

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **650** /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **20** tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện tiêu dự án xây dựng đường giao thông nông thôn dọc hai bên tuyến đường nối thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH ngày 29/11/2013;

Căn cứ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ qui định về giá đất; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ qui định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ: Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 112/TTr-TNMT ngày 31/01/2019; Thông báo số 428/TB-HĐTĐGD ngày 28/01/2019 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện tiêu dự án xây dựng đường giao thông nông thôn dọc hai bên tuyến đường nối thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng, tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

1. Giá đất bồi thường, GPMB.

S TT	Loại đất và vị trí	Giá đất cụ thể phê duyet (đồng/m ²)
I	Phường Tân An	
1	Đất ở đô thị	
1.1	Các thửa đất nằm trong khu quy hoạch Bùi Xá bám mặt đường liên khu 27/3 bao gồm các thửa số 2, 4 tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 10	2.537.000
1.2	Các thửa đất bám mặt đường quy hoạch khu Bùi Xá bao gồm các thửa số 6, 7, 9 tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 10	2.003.000
2	Đất nông nghiệp	
2.1	Đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	48.000
2.2	Đất nuôi trồng thủy sản (hồ, đầm nội địa)	31.000
II	Xã Tiên An	
1	Đất ở nông thôn	
1.1	Các thửa đất thửa số 69, 77 tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 11	2.381.000
1.2	Thửa đất số 70 và 76 (thửa đất có vị trí góc bám mặt đường nhánh) thuộc tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 11	2.501.000
1.3	Thửa đất số 35 (bám mặt ngõ) thuộc tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 11	1.255.000
1.4	Vị trí bám mặt đường liên xã Tiên An – Hà An: Thửa đất số 108 tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 12	3.345.000
1.5	Các thửa đất còn lại thuộc tờ bản đồ hiện trạng GPMB số 12 (bao gồm các thửa đất số: 47, 55, 56, 107)	1.330.000
2	Đất nông nghiệp	
2.1	Đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	48.000
2.2	Đất trồng cây lâu năm	38.000
III	Phường Phong Hải	